

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YT
TỈNH BG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **40/2021/DS-ST**
Ngày 23 tháng 9 năm 2021
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Hải Đăng.

2. Ông Lục Viết Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Oanh - Thư ký Toà án nhân dân huyện YT, tỉnh BG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YT, tỉnh BG tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YT mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 57/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2021/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số 49/2021/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông Thân Văn Kh, sinh năm 1963 (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Bản NL, xã XL, huyện YT, tỉnh BG

* *Bị đơn:* 1. Anh Triệu Văn V, sinh năm 1971 (Vắng mặt)

2. Chị Trần Thị S, sinh năm 1976 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Bản BL, xã TT, huyện YT, tỉnh BG.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Đỗ Thị Hạnh Q, sinh năm 1965 (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Bản NL, xã XL, huyện YT, tỉnh BG

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, ông Thân Văn Kh trình bày:

Gia đình ông làm nghề kinh doanh thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm. Ông bắt đầu bán cám cho anh V và chị S từ tháng 4 năm 2009 theo hình thức trả sau, hai bên thống nhất thỏa thuận sau khi anh V và chị S bán gà phải trả hết số tiền mua cám cho ông, đến ngày 12 tháng 8 năm 2010 thì hai bên kết thúc việc mua bán cám, anh V, chị S còn nợ ông tổng số tiền là 72.288.000đ (Bảy mươi hai triệu hai trăm tám mươi tám nghìn đồng), quá trình ông bán cám thì anh V và chị S vẫn chung sống với nhau nhưng chủ yếu là chị S đứng ra ký nhận sổ. Từ khi chốt sổ ông đã đôn đốc chị S và anh V trả tiền nhiều lần nhưng chị S và anh V đều khát nợ chưa trả tiền cho ông. Ông khởi kiện yêu cầu chị S và anh V phải trả số tiền gốc là 72.288.000đ (Bảy mươi hai triệu hai trăm tám mươi tám nghìn đồng) và yêu cầu chị S, anh V trả lãi theo lãi suất 0,8%/ tháng tính từ ngày 12/8/2010. Ngày 20 tháng 9 năm 2021 ông Kh có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về tính lãi, ông Kh không yêu cầu anh V và chị S phải trả tiền lãi của số tiền gốc còn nợ.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/8/2021, anh Triệu Văn V trình bày:*

Anh và chị Trần Thị S kết hôn năm 1992, vợ chồng anh chung sống tại bản BL, xã TT, huyện YT, tỉnh BG đến tháng 3, tháng 4 năm 2010 thì vợ chồng sống ly thân. Trong thời gian vợ chồng chung sống với nhau đến khi ly thân vợ chồng anh mỗi người làm một việc nhưng đều nhằm mục đích phát triển kinh tế chung của gia đình. Thời điểm năm 2009, năm 2010 thì chị S có chăn nuôi gà nhưng anh không biết chị S mua cám như thế nào, còn nợ tiền cám hay không vì vợ chồng anh mỗi người làm một nghề, anh đi làm về đưa tiền cho chị S, mọi chi tiêu trong gia đình là do chị S quản lý. Từ tháng 3 năm 2010 thì vợ chồng anh ly thân, làm kinh tế riêng đến năm 2014 thì vợ chồng anh đến Tòa án nhân dân huyện YT giải quyết ly hôn nhưng anh chưa đến Tòa án làm thủ tục xin cấp trích lục ly hôn. Nay ông Kh khởi kiện yêu cầu anh và chị S phải trả cho ông Kh 72.288.000đ (Bảy mươi hai triệu hai trăm tám mươi tám nghìn đồng) tiền gốc và lãi suất phát sinh anh không đồng ý trả vì việc mua bán cám là do ông Kh và chị S tự thỏa thuận với nhau, anh không được thỏa thuận mua bán nên anh không có trách nhiệm phải trả số tiền này.

** Tại bản tự khai ngày 17/5/2021 bà Đỗ Thị Hạnh Q trình bày:*

Bà là vợ ông Thân Văn Kh, việc ông Kh bán cám cho gia đình anh V, chị S về chăn nuôi bà có được nghe ông Kh nhắc đến. Đến nay anh V, chị S còn nợ ông Kh số tiền gốc là 72.288.000đ (Bảy mươi hai triệu hai trăm tám mươi tám nghìn đồng). Bà nhất trí với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Kh, đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh V, chị S phải có trách nhiệm trả cho ông Kh số tiền gốc là 72.288.000đ (Bảy mươi hai triệu hai trăm tám mươi tám nghìn đồng) và lãi suất theo yêu cầu khởi kiện của ông Kh.

** Đối với chị Trần Thị S: Hiện nay chị S không có mặt tại địa phương, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết văn bản tố tụng và đăng thông báo trên Đài tiếng nói Việt Nam và Báo Công lý để yêu cầu chị S đến Tòa án tham gia tố tụng nhưng chị*

S không đến Tòa án để làm việc. Chính vì vậy, trong hồ sơ vụ án không có văn bản ghi ý kiến của chị S.

Tại phiên tòa ông Thân Văn Kh, chị Trần Thị S, anh Triệu Văn V và bà Đỗ Thị Hạnh Q đều vắng mặt.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YT phát biểu:**

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Ông Kh chấp hành đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS.

Anh V chấp hành đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Chị S không chấp hành đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS, vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc với Tòa án, làm kéo dài thời hạn giải quyết vụ án.

Bà Q chấp hành đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 73 BLTTDS.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YT đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 428, 438 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 244 BLTTDS, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Kh, buộc anh V và chị S phải trả ông Kh số tiền 72.288.000 đồng tiền gốc.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Kh về việc tính lãi đối với số tiền 72.288.000đ.

- Về án phí: Anh V và chị S phải chịu 3.614.000đ (Ba triệu sáu trăm mười bốn nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Thân Văn Kh khởi kiện anh Triệu Văn V và chị Trần Thị S yêu cầu trả tiền mua cám còn nợ nên đây là quan hệ pháp luật về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, anh V, chị S cùng có địa chỉ cư trú tại huyện YT nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật

tổ tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện YT, tỉnh BG.

- Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Ông Thân Văn Kh, anh Triệu Văn V, Bà Đỗ Thị Hạnh Q vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Trần Thị S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Chính vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Kh, anh V, chị S, bà Q theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Thân Văn Kh Hội đồng xét xử nhận định: giữa ông Kh và vợ chồng anh V, chị S thiết lập quan hệ mua bán cám từ năm 2009, các bên có thỏa thuận về hình thức mua bán cám theo đó ông Kh bán cám cho vợ chồng anh V, chị S về chăn nuôi gà từ khi bắt con giống về chăn nuôi cho đến khi xuất bán sẽ trả tiền mua cám còn nợ cho ông Kh. Ngày các bên kết thúc việc mua bán là ngày 12/4/2010 đến ngày 14/8/2010 chốt sổ vợ chồng chị S, anh V còn nợ ông Kh 72.288.000đ (Bảy mươi hai triệu hai trăm tám mươi tám nghìn đồng). Kể từ khi chốt sổ ông Kh đã đến nhà đôn đốc vợ chồng anh V, chị S trả tiền nhưng ông không gặp được chị S do chị S thường xuyên vắng mặt ở nhà. Ông Kh khởi kiện yêu cầu anh V và chị S phải trả số tiền gốc còn nợ là 72.288.000đ (Bảy mươi hai triệu hai trăm tám mươi tám nghìn đồng). Anh Sơn không đồng ý trả tiền cho ông Kh với lý do việc mua bán cám là do chị S và ông Kh thống nhất thỏa thuận với nhau, chị S là người trực tiếp chăn nuôi nên anh V không có trách nhiệm cùng với chị S trả tiền cho ông Kh. Xét ý kiến phản đối của anh V là không có căn cứ bởi lẽ anh V thừa nhận vợ chồng anh mỗi người làm một nghề nhằm mục đích phát triển kinh tế chung của gia đình, anh đi làm về đưa tiền cho chị S, mọi chi tiêu trong gia đình đều do chị S quản lý, thời điểm mua cám của ông Kh tháng 4 năm 2009 thì anh V và chị S đang chung sống với nhau, anh V cho rằng vợ chồng anh sống ly thân từ tháng 3, tháng 4 năm 2010 nhưng anh V không có tài liệu chứng minh. Chính vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Kh buộc anh V và chị S phải trả cho ông Kh số tiền gốc là 72.288.000đ (Bảy mươi một triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

- Về lãi suất: Tại đơn khởi kiện ông Kh yêu cầu chị Viên và anh Sơn phải trả tiền lãi theo lãi suất 0,8%/ tháng. Ngày 20/9/2021 ông Kh có đơn xin rút yêu cầu anh V, chị S phải trả tiền lãi của số tiền gốc còn nợ 72.288.000đ. Việc rút yêu cầu tính lãi của ông Kh là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy của pháp luật. Chính vì vậy, cần đình chỉ yêu cầu tính lãi suất của ông Thân Văn Kh.

[3] Về lãi suất chậm trả: Đề đảm bảo quyền lợi của người được thi hành án cần áp dụng Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ông Thân Văn Kh được chấp nhận nên ông Kh không phải chịu tiền án phí. Anh Triệu Văn V và chị Trần Thị S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 428, Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 143, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 244; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016; Điều 2 Luật thi hành án dân sự, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thân Văn Kh.

1. Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc anh Triệu Văn V và chị Trần Thị S phải trả cho ông Thân Văn Kh số tiền nợ gốc là 72.288.000đ (Bảy mươi hai triệu hai trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ yêu cầu của ông Thân Văn Kh yêu cầu tính lãi của số tiền gốc 72.288.000đ (Bảy mươi hai triệu hai trăm tám mươi tám nghìn đồng).

2. Về tiền án phí: Hoàn trả ông Thân Văn Kh 3.570.000đ (Ba triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2018/0004745 ngày 19/4/2021 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện YT thu.

Anh Triệu Văn V và chị Trần Thị S phải chịu 3.614.400đ (Ba triệu sáu trăm mười bốn nghìn bốn trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- TAND tỉnh BG;
- VKSND tỉnh BG;
- VKSND huyện YT;
- THA huyện YT;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Việt Hùng